

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐ-ST ngày 07/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Lưu Xuân Tr**, sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT: Xóm ..., xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: 6/4, ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Phương A – Luật sư - Công ty luật Lê Hồng H và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số , đường Tr, phường Tr, quận C, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm , thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Lưu Xuân Tr trình bày: Anh và chị Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu

thuận, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, sau đó chị Th về nhà đẻ tại K, Hải Dương sinh sống và tiếp tục đi nước ngoài lao động. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng chấm dứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nhiều lần anh yêu cầu chị Th về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nhưng chị Thảo không về và không cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài, do đó anh không thể cung cấp cho Tòa án. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của anh Nguyễn Thành Đ là em trai của chị Th xác định: Hiện tại ở Việt Nam chỉ còn một mình anh, mẹ anh mất năm 2011, bố đẻ và 3 chị gái, trong đó có chị Th đang lao động ở Hàn Quốc. Địa chỉ của chị Th ở Hàn Quốc anh không biết, nhưng chị Th thường xuyên liên lạc về cho anh. Anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Th biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông tin cho chị Thảo biết, quan điểm của chị Th đợi giải quyết xong kinh tế giữa hai bên rồi mới quyết định ly hôn, về con chung không có nên không đề nghị giải quyết. Chị Th có nói với anh Đ sẽ gửi văn bản nói rõ quan điểm về việc giải quyết ly hôn, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để giải quyết theo quy định.

Tại lời khai của ông Lưu Đức H là bố đẻ của anh Tr xác định: Chị Th và anh Trường tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, chị Th có ý định tiếp tục sang nước ngoài lao động, nhưng anh Tr không đồng ý. Sau đó chị Th về nhà đẻ ở K, Hải Dương để tiếp tục làm thủ tục đi nước ngoài. Vợ chồng không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Về kinh tế giữa hai bên không cho ai vay nợ, và cũng không nợ ai.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, thể hiện: Anh Tr và chị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, sau khi đăng ký kết hôn chị Th và anh Trường sống tại địa phương một thời gian ngắn nên địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh Tr có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Do chưa đảm bảo thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lưu Xuân Tr có đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xóm 2, thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện chị Thảo đang sinh sống tại Hàn Quốc không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị Thảo ở nước ngoài. Ở Việt Nam, chị Th thường xuyên liên lạc với em trai là Nguyễn Th. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần đề nghị người thân của chị Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho chị Thảo biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Tr, chị Th. Thông qua anh Đ, chị Th có quan điểm đề nghị giải quyết tài sản chung vợ chồng xong mới đồng ý ly hôn. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày xét xử chị Th vắng mặt, không có quan điểm, ý kiến bằng văn bản, căn cứ chứng minh đề nghị giải quyết tài sản chung vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tr có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Xuân Tr và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 19/3/2018, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2019 chị Th về gia đình ở K, Hải Dương sinh sống và tiếp tục làm thủ tục đi nước ngoài. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó thưa dần và chấm dứt liên lạc, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn. Thông qua gia đình, chị Thảo có quan điểm giải quyết xong vấn đề kinh tế giữa hai bên, mới đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy giữa anh Tr và chị Th đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, việc chị Th chưa muốn giải quyết ly hôn vì vợ chồng chưa giải quyết dứt điểm về tài sản, chứ không phải vì chị Th còn tình cảm và mong muốn đoàn tụ với anh Tr. Hiện tại chị Th và anh Tr mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr, xử cho anh Tr ly hôn chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Lưu Xuân Tr và chị Nguyễn Thị Th đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Th thông qua gia đình có quan điểm giải quyết tài sản. Tòa án đã yêu cầu chị Th làm đơn và chứng cứ kèm theo đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, tuy nhiên chị Th không gửi văn bản và căn cứ chứng minh về tài sản cho Tòa án để giải quyết theo quy định. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết. Sau này chị Th có quyền khởi kiện và gửi chứng cứ kèm theo đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Lưu Xuân Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Xuân Tr ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về án phí: Anh Lưu Xuân Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do anh Nguyễn Minh Ch nộp thay, theo biên lai thu số AA/2018/0002772 ngày 02/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lưu Xuân Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã K; huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân